

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05/8/2025
V/v: Kiện ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Oanh.

Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 05/8/2025, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 268/2025/TLST-HNGĐ ngày 23/6/2025 về việc “*Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tây P, sinh năm 1987.

Nơi thường trú: Thôn 6, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là thôn 6, xã V, tỉnh Đắk Lắk).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1992.

Nơi thường trú: Thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam (nay là thôn Q, xã B, tỉnh Quảng Nam).

Đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Tây P trình bày:**

Tôi và cô Nguyễn Thị L chung sống với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào năm 2019. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với cô Nguyễn Thị L.

Con chung: Trong thời gian chung sống, chúng tôi có hai con chung là cháu Nguyễn Trọng H, sinh ngày 22/12/2018 và cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 22/7/2022. Hiện cháu D đang ở với cô L, cháu H đang ở với tôi. Nay ly hôn tôi có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, tôi đồng ý giao cháu D cho cô L chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung tôi tự thỏa thuận.

Tài sản chung và công nợ chung: Chúng tôi không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị L có đơn trình bày:* Tôi đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập để tham gia tố tụng tại Tòa án. Tuy nhiên do điều kiện công việc tôi không thể sắp xếp thời gian để tham gia tố tụng tại Tòa án. Do vậy tôi làm đơn này trình bày ý kiến của tôi như sau:

Tôi và anh Nguyễn Tây P chung sống với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V vào năm 2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau khoảng ba năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp. Từ tháng 10/2022 thì hai vợ chồng đã sống ly thân. Nay anh P có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi đồng ý ly hôn với anh P.

Trong thời gian chung sống chúng tôi có hai con chung là Nguyễn Trọng H, sinh ngày 22/12/2018 và cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 22/7/2022. Hiện cháu H đang ở với anh P, cháu D đang ở với tôi. Nay ly hôn tôi đồng ý giao cháu Nguyễn Trọng H cho anh P chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Tôi có nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến D đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chúng tôi không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk:*

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình – Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tây P; Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tây P được ly hôn với chị Nguyễn Thị L; Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Trọng H, sinh ngày 22/12/2018 cho anh Nguyễn Tây P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 22/7/2022 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung; nợ chung: Anh Nguyễn Tây P và chị Nguyễn Thị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tây P đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị L là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình,

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tây P và chị Nguyễn Thị L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 08/5/2019. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Qua lời trình bày của anh Nguyễn Tây P thì nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do tính tình không hợp, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022. Nay anh P xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị L. Chị L thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022. Nay anh P có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì chị L đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy, giữa các bên không còn sự tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng; mâu thuẫn xảy ra trong thời gian dài; mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tây P, cho anh Nguyễn Tây P được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh Nguyễn Tây P và chị Nguyễn Thị L có hai con chung là cháu Nguyễn Trọng H, sinh ngày 22/12/2018 và cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 22/7/2022. Hiện cháu H đang sinh sống cùng với anh P, cháu Dũng đang sinh sống cùng với chị L. Anh P có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H đến tuổi trưởng thành; chị L có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, để đảm bảo tâm lý; điều kiện học hành; sinh hoạt; không gây xáo trộn trong cuộc sống của các con chung và phù hợp với nguyện vọng của nguyên đơn, bị đơn, HĐXX xét thấy cần giao cháu Nguyễn Trọng H, sinh ngày 22/12/2018 cho anh Nguyễn Tây P và cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 22/7/2022 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Tây P và chị Nguyễn Thị L tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Anh Nguyễn Tây P và chị Nguyễn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Tuy nhiên, anh Nguyễn Tây P và chị Nguyễn Thị L không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Anh Nguyễn Tây P và chị Nguyễn Thị L không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Tây P phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tây P.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tây P được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Trọng H, sinh ngày 22/12/2018 cho anh Nguyễn Tây P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 22/7/2022 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Tây P và chị Nguyễn Thị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Tây P và chị Nguyễn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Tuy nhiên, anh Nguyễn Tây P và chị Nguyễn Thị L không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

- Về tài sản chung; nợ chung: Anh Nguyễn Tây P và chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003296 ngày 13/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Đắk Lắk).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 4 – Đắk Lắk;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lưu Thị Ngọc Thủy